

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2020/KDTM-ST**
Ngày: 30/9/2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47A/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Công ty TNHH CP; Địa chỉ: Lô I-4, đường số 01, khu công nghiệp ĐQ, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đào Công T; Địa chỉ: Số 277 đường 30/4, phường QT, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

**/ Bị đơn:* Đại lý VX; Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Nguyên V; Địa chỉ: thôn ĐT, xã M, huyện M, tỉnh Đắc Nông. (Vắng mặt)

**/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị Mỹ D; Địa chỉ: Số 53 thôn ĐT, xã M, huyện M, tỉnh Đắc Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Công Tráng trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày: Vào ngày 30/3/2018 giữa công ty TNHH CP và Đại lý VX do ông Trịnh Nguyên V làm người đại diện theo pháp luật có ký kết hợp đồng kinh tế số PB-DNO/23/2018 để mua bán phân bón URE và NPK các loại. Theo quy định tại khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng thì thời hạn thanh toán nợ sẽ thể hiện trên hóa đơn bán hàng theo từng thời điểm nhận hàng và mục 3.2.2 của Hợp đồng cũng quy định nếu ông Trịnh Nguyên

V thanh toán trễ hạn thì phải trả thêm lãi suất 2%/tháng (tương đương 0,067%/ngày) đối với số tiền quá hạn. Sau khi ký hợp đồng, ông Trịnh Nguyên V đã đặt hàng và được công ty giao đầy đủ hàng vào ngày 21/7/2018, hóa đơn bán hàng số 0001364 thể hiện giá trị đơn hàng là 162.500.000 đồng; thời hạn thanh toán 90 ngày, ngày đến hạn là ngày 19/10/2018. Sau khi nhận đủ hàng, ông Trịnh Nguyên V đã thanh toán cho công ty 60.000.000 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 21/10/2019, ông Trịnh Nguyên V xác nhận còn nợ công ty 102.500.000 đồng; ông Trịnh Nguyên V hẹn cuối tháng 11/2019 sẽ trả số tiền 32.500.000 đồng, đến 15/01/2020 thanh toán hết số nợ còn lại nhưng sau đó thì không thực hiện đúng như cam kết. Đến tháng 3/2020, công ty TNHH CP khởi kiện; ngày 30/3/2020, ông Trịnh Nguyên V đã trả số tiền là 102.500.000 đồng. Vì ông Trịnh Nguyên V mua bán hàng hóa, kinh doanh phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của hộ gia đình nên công ty TNHH CP khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Nguyên V và bà Nguyễn Thị Mỹ D có trách nhiệm hoàn trả cho công ty số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán với mức lãi suất 2%/tháng (tương đương 0,067%/ngày), tính từ ngày bắt đầu quá hạn thanh toán là ngày 20/10/2018 đến ngày thanh toán xong công nợ là ngày 30/3/2020 với số tiền lãi là 35.536.750 đồng.

- Đối với bị đơn Đại lý VX do ông Trịnh Nguyên V làm chủ và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ D: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với ông Trịnh Nguyên V và bà Nguyễn Thị Mỹ D, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt nhưng ông Trịnh Nguyên V và bà Nguyễn Thị Mỹ D vẫn không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt các văn bản của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Trịnh Nguyên V và bà Nguyễn Thị Mỹ D cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là ông Trịnh Nguyên V và bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Trịnh Nguyên V và bà Nguyễn Thị Mỹ D phải trả số tiền lãi chậm thanh toán là từ ngày 20/10/2018 đến ngày 30/03/2020 trên số tiền nợ gốc là 102.500.000 đồng với mức lãi suất 2%/tháng thành tiền là 35.536.750 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất khi thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều 317 Luật thương mại 2005;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Án lệ số 09/2016/AL, ngày 07/10/2016 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH CP với bị đơn Hộ kinh doanh Đại lý VX về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Buộc ông Trịnh Nguyên V đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh Đại lý VX phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH CP số tiền lãi chậm thanh toán theo hợp đồng kinh tế số PB-DNO/23/2018 từ ngày 20/10/2018 đến ngày 30/03/2020 là 24.784.000 đồng; Về án phí: bị đơn ông Trịnh Nguyên V phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn phải chịu án phí phần không được chấp nhận. Trả lại tiền tạm ứng án phí còn dư đã nộp cho Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Đại lý VX do ông Trịnh Nguyên V làm chủ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ D đều có địa chỉ thường trú tại thôn ĐT, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

- Về quan hệ tranh chấp: Ngày 04/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý vụ án số 76/2020/TLST-DS xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX xét thấy Công ty TNHH CP khởi kiện Đại lý VX do ông Trịnh Nguyên V là người đại diện theo pháp luật đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo Hợp đồng kinh tế số PB-DNO/23/2018, nên đây là tranh chấp xuất phát từ quan hệ “Hợp đồng mua bán hàng hóa”. Đồng thời, tranh chấp này phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của BLTTDS.

- Đối với ông Trịnh Nguyên V và bà Nguyễn Thị Mỹ D mặc dù đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông V, bà D cố tình vắng mặt không có lý do. Đồng thời trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án ông V, bà D cũng không tham gia các buổi làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của ông V, bà D đã không cung cấp được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự ông V, bà D phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án

nhân dân huyện Đắc Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vắng mặt ông Trịnh Nguyên V và bà Nguyễn Thị Mỹ D là phù hợp theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng mua bán hàng hóa: Vào ngày 30/3/2018 giữa công ty TNHH CP và Đại lý VX do ông Trịnh Nguyên V là người đại diện theo pháp luật có ký kết hợp đồng kinh tế số PB-DNO/23/2018 để mua bán phân bón URE và NPK các loại.

Sau khi ký hợp đồng, Đại lý VX đã đặt hàng và được Công ty TNHH CP giao đầy đủ hàng vào ngày 21/7/2018. Hóa đơn bán hàng số 0001364 cũng thể hiện giá trị đơn hàng là 162.500.000 đồng, thời hạn thanh toán là 90 ngày và ngày 19/10/2018 là hạn thanh toán cuối cùng. Sau khi nhận đủ hàng, ông Trịnh Nguyên V đã thanh toán cho công ty số tiền 60.000.000 đồng, tại biên bản làm việc ngày 21/10/2019, xác nhận còn nợ công ty 102.500.000 đồng và hẹn cuối tháng 11/2019 sẽ trả số tiền 32.500.000 đồng, đến 15/01/2020 thanh toán hết nợ nhưng không thực hiện như cam kết. Đến ngày 30/3/2020 thì ông Trịnh Nguyên V tiếp tục trả số tiền gốc là 102.500.000 đồng. Như vậy, việc giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất chậm thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán (đối với số tiền 102.500.000 đồng, quá hạn thanh toán là ngày 20/10/2018 đến ngày thanh toán xong công nợ là ngày 30/3/2020) là phù hợp với thỏa thuận tại mục 3.2.2 của Hợp đồng kinh tế số PB-DNO/23/2018 ngày 30/3/2018 và quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005 nên có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, Điều 306 Luật thương mại 2005 quy định, bên có quyền có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả: *“theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán”*. Như vậy việc các bên thỏa thuận mức lãi suất 2%/tháng tương ứng với 24%/năm là vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận mức lãi vượt quá như các bên thỏa thuận. Do đó, với yêu cầu lãi suất 2% của công ty TNHH CP thì chỉ có căn cứ chấp nhận mức lãi suất để tính lãi trên số tiền chậm thanh toán là mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán (Tòa án đã tiến hành xác minh lãi suất quá hạn đối với 03 Ngân hàng tại thời điểm xét xử có mức lãi suất trung bình cụ thể là 16,74%/01 năm), do đó cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn cụ thể trên số tiền nợ gốc 102.500.000 đồng với thời hạn vi phạm thanh toán từ ngày 20/10/2018 đến ngày 30/03/2020 là 17 tháng 10 ngày như vậy: $102.500.000 \text{ đồng} \times 16,74\%/năm \times 17 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 24.784.000 \text{ đồng}$.

Xét yêu cầu của nguyên đơn công ty TNHH CP về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ D phải trả số tiền lãi là 24.784.000 đồng. HĐXX xét thấy, Hộ kinh doanh Đại lý VX do ông Trịnh Nguyên V là người đại diện theo pháp luật, hợp đồng kinh tế số PB-DNO/23/2018 được ký kết giữa Công ty TNHH CP với ông Trịnh Nguyên V thể hiện nếu ông Trịnh Nguyên V thanh toán quá thời hạn trên hóa đơn nhận nợ thì phải

trả thêm lãi suất 2%/1 tháng trên tổng số tiền quá hạn thanh toán. Đại lý VX chỉ do một cá nhân ông Trịnh Nguyên V làm chủ nên việc công ty TNHH CP yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ D cùng chịu trách nhiệm trả nợ với ông Trịnh Nguyên V là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Trịnh Nguyên V chủ Đại lý VX phải trả số tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 20/10/2018 đến ngày 30/3/2020 là 24.784.000 đồng là phù hợp. Không chấp nhận đối với yêu cầu tính tiền lãi suất vượt quá là 10.752.750 đồng của công ty TNHH CP.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm. Nguyên đơn phải chịu án phí phần không được Tòa án chấp nhận.

Xét quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều 317 Luật thương mại 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Án lệ số 09/2016/AL, ngày 07/10/2016 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Công ty TNHH CP.

1. Buộc ông Trịnh Nguyên V chủ Đại lý VX phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH CP số tiền 24.784.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu đối với số tiền 10.752.750 đồng (*Mười triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) tiền lãi suất vượt quá của Công ty TNHH CP đối với bị đơn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Buộc ông Trịnh Nguyên V phải nộp 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Buộc Công ty TNHH CP phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.485.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002009 ngày 28/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Trả lại cho Công ty TNHH CP 485.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) tại chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh